

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST

Ngày: 23-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Ông Phạm Duy Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Văn H, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1994; Nơi sinh: xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: thôn M, xã T, huyện B, Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Hre; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P và bà Phạm Thị D; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giam từ ngày 13/5/2016 đến ngày 09/10/2016 thay đổi biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị bắt tạm giam lại từ ngày 14/5/2021 cho đến nay (có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Xuân P - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Bị hại:**

- Anh Đinh Văn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Nguyễn Minh L1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Phạm Văn L2, sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Phạm Văn D, sinh năm 2001;

Địa chỉ: thôn K, xã D, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Phạm Văn C, sinh năm 1996;

Địa chỉ: thôn K, xã D, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Phạm Văn B, sinh năm 1996;

Địa chỉ: thôn G, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1998;

Địa chỉ: thôn N, xã G, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Phạm Văn L3, sinh năm 1997;

Địa chỉ: thôn N, xã G, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1999;

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Người phiên dịch:** Ông Phạm Văn T3, Công tác tại UBND thị trấn B (phiên dịch tiếng Hre cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa).

(Bị hại anh T và anh L2 có mặt; bị hại ông L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh D, anh C, anh B, anh T, anh L3 và anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 Phạm Văn H cùng với Phạm Văn C, Phạm Văn D, Phạm Văn T, Phạm Văn L3, Phạm Văn T1, Phạm Văn B thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào trưa ngày 14/11/2014, trong lúc ăn nhậu cùng nhau tại quán thịt trâu gần cổng Trung tâm Y tế huyện B, Phạm Văn D rủ Phạm Văn C,

Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn H, Phạm Văn L3, Phạm Văn B vào trong Trung tâm Y tế huyện B để lấy trộm xe mô tô mang đi bán lấy tiền tiêu xài, được tất cả đồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Phạm Văn D phân công Phạm Văn B, Phạm Văn T1, Phạm Văn H ở ngoài giữ xe và canh chừng nếu bị phát hiện thì sẽ chở cả bọn chạy thoát, còn Phạm Văn D, Phạm Văn L3, Phạm Văn C, Phạm Văn T trực tiếp đột nhập vào khu để xe của người nhà bệnh nhân để lấy trộm xe mô tô. Khi đi tới nhà để xe Trung tâm Y tế huyện B thì Phạm Văn D đến chỗ vị trí dựng xe mô tô hiệu Supper Dream màu sơn nâu, biển kiểm soát (BKS) 76M1-027.00 của ông Đinh Văn T (sinh năm 1990), ở thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi rồi lén lút dắt ra ngoài cổng. Sau đó cả bọn đem xe mô tô trên đến Tiệm sửa xe Q, ở tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B bán được 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chia nhau tiêu xài.

Vụ thứ hai: Vào tháng 11/2015, trong khi đang nhậu tại quán bà T, ông N ở bờ kè thị trấn B, huyện B, Phạm Văn D tiếp tục rủ Phạm Văn H, Phạm Văn T, Phạm Văn C, Phạm Văn L3, Phạm Văn B, Phạm Văn T1 đi đến khu vực Chợ mới thị trấn B xem nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản thì được tất cả đồng ý. Khi nhậu xong cả nhóm chia làm 03 xe chở nhau đến khu vực nói trên để trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà ông Nguyễn Minh L1 (sinh năm 1965), trú ở tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B (gần khu vực Chợ mới) cả bọn nhìn thấy cửa nhà ông Nguyễn Minh L1 không đóng, bên trong nhà không có ai nên tất cả dừng xe lại. Phạm Văn H, Phạm Văn T, Phạm Văn L3, Phạm Văn T1, Phạm Văn C được Phạm Văn D phân công đứng ngoài đường canh chừng và giữ xe, còn Phạm Văn D và Phạm Văn B đi vào trong nhà quan sát, tìm kiếm và lấy được 01 điện thoại di động Nokia 305 rồi đi ra cửa đưa cho Phạm Văn B cầm, D tiếp tục quay vào trong nhà lấy 01 máy tính xách tay hiệu Dell 3535-I5, màu đen; 01 máy tính bảng hiệu Lenovo TAB A7-30; 01 điện thoại di động hiệu Masstel N401 ôm trong người phủ áo lại và đi ra ngoài. Khi đã thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản, tất cả đi về ngủ. Hôm sau Phạm Văn D mang số tài sản trộm cắp trên đến Tiệm điện thoại di động H, ở tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B bán lấy tiền tiêu xài, ăn nhậu chung.

Vụ thứ ba: Tiếp đến ngày 10/01/2016, khi đang nhậu tại quán bia tươi của vợ chồng ông L, bà T ở tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B thì Phạm Văn D rủ Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn L3, Phạm Văn H và Phạm Văn B đi vào xã L tìm xe mô tô để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài, được tất cả đồng ý. Khi đi đến đoạn quán thịt trâu của bà H, ở tổ dân phố K, thị trấn B thì gặp Phạm Văn T1 đang đi bộ nên T, L3, D dừng xe lại và rủ Phạm Văn T1 cùng đi vào xã L tìm xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài, Phạm Văn T1 đồng ý và ngồi sau xe máy do Phạm Văn T điều khiển đi vào thôn X, xã L, huyện B. Trên đường đi đến

thôn X, xã L Phạm Văn H và đồng phạm phát hiện một chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Taurus BKS 76K1-05127 của ông Phạm Văn L2 (sinh năm 1990), ở thôn X, xã L đang dựng bên đường, chìa khóa xe để sẵn trên ổ khóa điện nên cả nhóm dừng xe lại. Lúc này Phạm Văn D bước xuống xe và quan sát thấy không có ai thì đi đến vị trí dựng chiếc xe máy rồi dắt bộ đi một đoạn nhằm tránh bị chủ xe phát hiện rồi giao xe cho Phạm Văn C điều khiển chở Phạm Văn H phía sau. Sau đó cả nhóm cùng chạy ra hướng thị trấn B, huyện B. Đến đoạn ngã ba đường (gần Tiệm sửa xe Q) thì Phạm Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn H, Phạm Văn B, Phạm Văn L đem xe mô tô lên hướng xã V, huyện B tìm nơi tiêu thụ còn Phạm Văn T và Phạm Văn T1 đợi tại thị trấn B. Khi đến xã V, Phạm Văn H và đồng phạm ghé vào 02 tiệm sửa xe để bán xe nhưng không ai dám mua nên tất cả quay về thị trấn B. Sau đó, tất cả cùng đi xuống xã Đ, huyện M, tại đây, cả nhóm ghé vào tiệm sửa xe bên đường (không nhớ rõ tên tiệm) để bán chiếc xe trên được 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), rồi quay lại thị trấn B chia mỗi người 1.000.000 đồng (một triệu đồng), số tiền còn lại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) sử dụng ăn nhậu chung.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 13/5/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tư xác định tài sản bị xâm hại 01 xe mô tô BKS 76K1-051.27 của ông Phạm Văn L2 ở thôn X, xã L tại thời điểm tháng 01/2016 là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 10a/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tư xác định tài sản bị xâm hại 01 xe mô tô BKS 76M1-027.00 của ông Đinh Văn T ở thôn H, xã V tại thời điểm tháng 11/2014 là 16.800.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 11a/KL-HĐĐGTS ngày 12/8/2016 của Hội đồng định giá trị tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tư xác định tài sản bị xâm hại của ông Nguyễn Minh L1 ở tổ dân phố Đ, thị trấn B tại thời điểm tháng 11/2015 gồm: 01 chiếc laptop hiệu Dell 3531-I5 là 10.880.000 đồng (mười triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng); 01 chiếc máy tính bảng hiệu Lenovo TAB A7-30 là 3.040.000 đồng (ba triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 305 là 1.760.000 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel N401 là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng). Tổng giá trị bị xâm hại là: 16.280.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

Trong giai đoạn điều tra, truy tố Phạm Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nguyên nhân phạm tội bị cáo trình bày là do không có nghề nghiệp, thường xuyên tụ tập cùng bạn bè ăn nhậu dẫn đến trộm cắp tài sản của người khác

để bán tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị xâm hại do bị cáo Phạm Văn H cùng đồng phạm gây ra trong 03 vụ trộm cắp tài sản là 41.580.000 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng). Xét thấy, hành vi do Phạm Văn H thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tham gia với vai trò đứng ngoài canh chừng và giữ xe cho đồng phạm khác trực tiếp lấy trộm tài sản nên cơ quan cảnh sát điều tra đã áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng trong giai đoạn chuẩn bị truy tố bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 30/5/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ ra Quyết định truy nã đối với bị cáo Phạm Văn H. Ngày 12/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã tạm đình chỉ vụ án đối với bị cáo Phạm Văn H, đồng thời đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ tiếp tục truy nã đối với bị cáo Phạm Văn H. Ngày 12/5/2021 Phạm Văn H đã đến Công an thành phố Hà Nội đầu thú, trên cơ sở đó Công an thành phố Hà Nội đã tiếp nhận và bàn giao người bị truy nã cho Công an huyện Ba Tơ. Ngày 14/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã ra Quyết định phục hồi vụ án đối với bị cáo Phạm Văn H và truy tố bị cáo ra Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ để xét xử về các hành vi phạm tội nêu trên. Riêng đối với các đối tượng Phạm Văn C, Phạm Văn D, Phạm Văn T, Phạm Văn L3, Phạm Văn T1, Phạm Văn B đã bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ xét xử vào ngày 31/8/2017.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 11/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 01 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong giai đoạn truy tố, gia đình bị cáo tự nguyện nộp số tiền 5.940.000 đồng (năm triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) để khắc phục hậu quả.

- Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn L3 có yêu cầu bị cáo Phạm Văn H hoàn trả một phần đối với số tiền đã bồi thường cho các bị hại trên.

- Đối với những người liên quan là Phạm Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn B nếu có yêu cầu hoàn trả sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Về vật chứng: Đã được xử lý tại bản án hình sự số 09/2017/HSST ngày 31/8/2017 nên không đề cập đến.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 16 đến 20 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay người bị hại ông Phạm Minh L1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn C, Phạm Văn D, Phạm Văn T, Phạm Văn L3, Phạm Văn T1, Phạm Văn B vắng mặt không lý do. Xét thấy ông Phạm Minh L1, Phạm Văn C, Phạm Văn D, Phạm Văn T, Phạm Văn L2, Phạm Văn T1, Phạm Văn B quá trình điều tra, truy tố đã có bản khai nên không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt thấy ông Phạm Minh L1, Phạm Văn C, Phạm Văn D, Phạm Văn T, Phạm Văn L3, Phạm Văn T1, Phạm Văn B theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn H giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; lời khai của Phạm Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn L3; lời khai của người làm chứng; Kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 14/11/2014 đến 10/01/2016 Phạm Văn H cùng với Phạm Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn

L3 đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn huyện Ba Tơ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 41.580.000 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng). Hành vi của bị cáo Phạm Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về điều luật áp dụng: Hành vi của bị cáo được thực hiện và bị khởi tố trong thời điểm bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng các quy định của Bộ luật hình năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử đối với bị cáo.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì lòng tham, bị cáo cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác với mục đích tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

* Tình tiết tăng nặng: Bị cáo cùng đồng bọn thực hiện 03 lần hành vi trộm cắp tài sản, nên phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

* Về tình tiết giảm nhẹ: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, bị cáo khai báo rõ ràng, thành khẩn về hành vi do mình gây ra, không gây trở ngại cho hoạt động điều tra; Bị cáo bỏ trốn trong giai đoạn truy tố và bị truy nã nhưng sau đó đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình; Gia đình bị cáo tự nguyện nộp số tiền 5.940.000đ (năm triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

[6] Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đối chiếu với các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời

sống xã hội một thời gian, đảm bảo biện pháp cải tạo, giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm thu nhập ổn định và không có tài sản có giá trị nên không khấu trừ thu nhập.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong các vụ trộm cắp trên trách nhiệm dân sự của bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại số tiền là: 41.580.000 đồng : 7 = 5.940.000đồng/bị cáo. Tuy nhiên, vì bị cáo bỏ trốn nên Bản án số 09/2017/HSST ngày 31/08/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tư chỉ tuyên buộc cho 06 bị cáo còn lại Phạm Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn B, Phạm Văn L3 phải trả thay phần trách nhiệm dân sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả lại các bị cáo khác khi các bị cáo khác có yêu cầu với số tiền 5.940.000 đồng : 6 = 990.000 đồng (chín trăm chín mươi ngàn đồng)/người.

Tuy nhiên, hiện nay chỉ có Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn L3 yêu cầu bị cáo Phạm Văn H hoàn trả lại khoản tiền mà Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn L3 đã bồi thường cho các bị hại theo Bản án số 09/2017/HSST ngày 31/08/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tư theo mức mà các bị cáo phải chịu thay cho bị cáo Phạm Văn H. Vì vậy, cần buộc bị cáo hoàn trả lại số tiền cho Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn L3 với số tiền 990.000đồng/ người.

Đối với Phạm Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn B hiện nay không có mặt tại địa phương nên Hội đồng xét xử không có cơ sở đánh giá ý kiến của những người trên có yêu cầu bị cáo hoàn trả lại khoản tiền trên không. Vì vậy, nếu Phạm Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn B có yêu cầu hoàn trả sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Về quyền lợi của những người bị hại đã được xem xét, giải quyết tại Bản án số 09/2017/HSST ngày 31/08/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tư. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2017/HSST ngày 31/08/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tư. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 20 (hai mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 14/5/2021. Khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 13/5/2016 đến ngày 09/10/2016.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự 2015: Buộc bị cáo hoàn trả cho Phạm Văn T 990.000 đồng (chín trăm chín mươi ngàn đồng); hoàn trả cho Phạm Văn T1 990.000 đồng (chín trăm chín mươi ngàn đồng); hoàn trả cho Phạm Văn L3 với số tiền 990.000 đồng (chín trăm chín mươi ngàn đồng). Tổng cộng bị cáo hoàn trả số tiền 2.970.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.940.000 đồng mà bị cáo đã nộp, số tiền còn thừa 2.970.000 đồng trả lại cho bị cáo quản lý, sử dụng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.940.000 đồng của bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 04753 ngày 15/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ để đảm bảo cho việc thi hành án.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 23/7/2021 bị cáo và những đương sự khác trong vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THA DS huyện Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Dương sự;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Văn Ngoan